TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 14 - 12 - 2022
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần M Công - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 106/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2022/QĐ-PT ngày 04/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 310/2022/QĐ-PT ngày 23/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trịnh Thị H, sinh năm: 1992. Cư trú tại: số nhà M, đường T, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí M – Có mặt.

2. Bị đơn: anh Đặng Văn H1, sinh năm: 1983. Cư trú tại: thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

Anh Đặng Văn H1 ủy quyền cho anh Trần Quốc D, sinh năm 1999 và anh Trần Văn K, sinh năm 1992; cùng trú tại: số nhà B đường H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (theo giấy ủy quyền lập ngày 08/11/2022) – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đào Thị V, sinh năm: 1957. Cư trú tại: thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

Bà Đào Thị V ủy quyền cho anh Nguyễn Trung H2, sinh năm 1991; cư trú tại: số nhà B đường H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (theo giấy ủy quyền lập ngày 08/11/2022) – Có mặt.

4. Người làm chứng: ông Lưu M H3, sinh năm 1972; cư trú tại: thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

Do có kháng của:

1. Anh Đặng Văn H1 – Bị đơn;

2. Bà Đào Thị V – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Chị và anh H1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Lâm Hà. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cách quản lý, chi tiêu kinh tế trong gia đình, anh H1 là người gia trưởng không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được nên cả hai đã tự sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1 vì vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Về con chung: chị H xác định vợ chồng có hai con chung là Đặng Ánh K, sinh ngày 25/6/2011 và Đặng Anh M, sinh ngày 05/4/2018. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị H xác định vợ chồng có diện tích đất 299m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) thuộc thửa số 436, tờ bản đồ số S, tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện Lâm Hà và tài sản trên đất là căn nhà xây cấp 3. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao diện tích đất và tài sản trên đất cho anh H1 quản lý sử dụng và yêu cầu anh H1 có trách nhiệm thanh toán lại ½ giá trị tài sản trên theo kết quả định giá thì đất và công trình trên đất có giá trị là 3.161.493.000 đồng/2 = 1.580.746.500 đồng.

Về nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị H không còn yêu cầu gì khác.

***2. Bị đơn anh Đặng Văn H1 trình bày*:**

Anh và chị Đặng Thị H kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Lâm Hà. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình nên chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, khi chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì anh H1 có

liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng thì chị H quay về nhưng vợ chồng chỉ sống với nhau được hai tháng thì chị H lại tiếp tục tự ý bỏ đi nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu được ly hôn thì anh H1 cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: anh H1 xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Ánh K, sinh ngày 25/6/2011 và Đặng Anh M, sinh ngày 05/4/2018 như chị H trình bày là đúng. Khi ly hôn anh H1 đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh H1 xác định vợ chồng có 01 căn nhà xây cấp 3 xây trên diện tích đất 299m^2 thuộc thửa số 436, tờ bản đồ số S, tọa lạc tại thôn B, xã M, huyện Lâm Hà, chỉ có căn nhà là tài sản chung còn đất là tài sản riêng của anh H1. Vì vậy, khi ly hôn, anh H1 chỉ đồng ý chia đôi tài sản chung theo quy định của pháp luật đó là căn nhà trên đất. Đối với diện tích đất 299m^2 là tài sản riêng của anh H1 nên anh H1 không đồng ý chia.

Về nợ chung: anh H1 xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh H1 không còn yêu cầu gì khác.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị V trình bày:

Diện tích đất mà vợ chồng anh H1, chị H đang tranh chấp là của bà nhận sang nhượng của ông Hà, bà H1 nhưng vì là mẹ con trong gia đình nên bà để cho anh H1 làm thủ tục chuyển nhượng và đứng tên trong GCNQSDĐ vì mục đích là cho con nên trong suốt thời gian vợ chồng anh H1, chị H sinh sống tại diện tích đất và xây nhà trên đất thì bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên, nếu vợ chồng anh H1, chị H sống chung thì bà không tranh chấp nhưng nay anh H1 và chị H ly hôn thì bà yêu cầu anh H1 trả lại đất, bà sẽ lấy căn nhà và thanh toán tiền giá trị căn nhà cho vợ chồng anh H1, chị H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sự sơ thẩm số: 106/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị H, xử cho chị Trịnh Thị H và anh Đặng Văn H1 được ly hôn.

2. Về con chung: giao cả hai con chung là Đặng Ánh K, sinh ngày 25/6/2011 và Đặng Anh M, sinh ngày 05/4/2018 cho chị Trịnh Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Đặng Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: giao cho anh Đặng Văn H1 quản lý sử dụng diện tích đất theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất theo tọa độ VN 2000 ngày 28/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà có diện tích là 304,5m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 299m^2), thuộc thửa số 436, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn 3, xã Mê Linh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và công trình trên đất gồm căn nhà xây cấp 3, công trình phụ, nhà kho và tường rào. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất là 3.161.493.000 đồng. Anh Đặng Văn H1 có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Trịnh Thị H 1/2 giá trị tài sản có giá trị là 1.580.746.500 đồng *(Một tỷ năm trăm tám mươi triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng).*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 27/9/2022, bị đơn anh Đặng Văn H1 kháng cáo: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận diện tích đất thuộc thửa số 436, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn 3, xã Mê Linh, huyện Lâm Hà là tài sản riêng của anh H1 và giao cả hai con chung cho anh H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. (kèm theo đơn kháng cáo anh H1 không nộp thêm tài liệu, chứng cứ bổ sung);

Ngày 28/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị V kháng cáo: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận diện tích đất thuộc thửa số 436, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn 3, xã Mê Linh, huyện Lâm Hà là tài sản của bà V và trả lại cho bà. (kèm theo đơn kháng cáo bà V nộp bổ sung thêm 01 bản photo giấy chuyển nhượng và 01 bản photo giấy trả tiền ghi ngày 23/03/2016; đến ngày 24/10/2022 bà V có đơn đề nghị giám định và nộp bản chính giấy chuyển nhượng đề ngày 23/03/2016).

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn anh H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị V cùng người đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn chị H không đồng ý với kháng cáo của anh H1, bà V và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh H1 về phần tài sản chung, không chấp nhận kháng cáo về con chung.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của người liên quan bà V về án phí, không chấp nhận kháng cáo về tài sản.

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trịnh Thị H và anh Đặng Văn H1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H yêu cầu ly hôn với anh H1. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Ly hôn"* là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân, nợ chung: sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn anh H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị V thì thấy rằng:

[3.1] Đơn kháng cáo của anh H1 và bà V nộp trong hạn luật định. Người kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3.2] Xét kháng cáo của anh H1 về phần con chung thì thấy rằng:

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có hai con chung là Đặng Ánh K, sinh ngày 25/6/2011 và Đặng Anh M, sinh ngày 05/4/2018. Anh H1 và chị H đều có yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự. Tuy nhiên, việc xem xét giao con cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cần phải đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng của các bên. Xét thấy, cháu Đặng Ánh K, sinh ngày 25/6/2011 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với mẹ, còn cháu Đặng Anh M, sinh ngày 05/4/2018 còn nhỏ cần được sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, cháu K hiện nay đang theo học tại Thành phố Hồ Chí M và tránh làm thay đổi môi trường sống của cả hai cháu và ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ. Hơn nữa, chị H sống cùng với bố mẹ nên có sự hỗ trợ của ông bà ngoại trong việc chăm sóc các cháu.

Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cả hai con là Đặng Ánh K, sinh ngày 25/6/2011 và Đặng Anh M, sinh ngày 05/4/2018 cho chị Trịnh Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đặng Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu là phù hợp. Không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần này anh H1 kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới nên không

có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần con chung.

[3.3] *Về tài sản chung:* tài sản đang tranh chấp đã được định giá là diện tích đất theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất theo tọa độ VN 2000 ngày 28/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà có diện tích là 304,5m^2, (theo GCNQSDĐ có diện tích là 299m^2), thuộc thửa số 436, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn 3, xã Mê Linh, huyện Lâm Hà có giá trị là 2.750.000.000 đồng và công trình trên đất gồm: căn nhà xây cấp 3, công trình phụ, nhà kho và tường rào có giá trị là 411.493.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất là 3.161.493.000 đồng.

Chị H xác định toàn bộ tài sản trên là tài sản chung của chị và anh H1, chị đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung theo quy định của pháp luật. Anh H1 cho rằng chỉ có căn nhà là tài sản chung còn đất là tài sản riêng của anh H1. Vì vậy, khi ly hôn anh H1 chỉ đồng ý chia đôi tài sản chung là căn nhà, đối với diện tích đất là tài sản riêng của anh H1 nên anh H1 không đồng ý chia.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác M thu thập hồ sơ xét cấp quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà thể hiện: Đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 436 tờ bản đồ 6, bản đồ địa chính xã M, theo GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/6/2016, phần điều chỉnh trang 4 chuyển nhượng cho ông Đặng Văn H1, sinh năm 1984 vào ngày 06/7/2016 là cấp trong thời kỳ hôn nhân của chị H, anh H1. Phần điều chỉnh trang 4 ghi chuyển nhượng cho anh Đặng Văn H1 nhưng qua xác M trong hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có văn bản nào của chị H xác định đây là tài sản riêng của anh H1 và anh H1 cũng không có chứng cứ chứng M là tài sản riêng của mình.

Sau khi kháng cáo bà V xuất trình bản chính giấy chuyển nhượng viết tay ngày 23/3/2016 thể hiện việc chuyển nhượng diện tích 304,5m^2 (theo GCNQSDĐ có diện tích là 299m^2), thuộc thửa số 436, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Thôn 3, xã Mê Linh, huyện Lâm Hà là giữa vợ chồng ông Lưu M Hà với bà Đào Thị V với số tiền 225.000.000 đồng. Đồng thời bà V có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết cũng như tuổi mực đối với giấy chuyển nhượng này. Tại phiên tòa, bà V không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết cũng như tuổi mực và đề nghị tiếp tục xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hà thừa nhận có chuyển nhượng cho bà V diện tích đất hiện nay anh H1 chị H đang tranh chấp, ông đã nhận đủ tiền từ bà V và khi đi làm thủ tục chuyển nhượng thì bà V để cho anh H1 đứng tên và sử dụng làm nhà ở từ đó cho đến nay.

Hơn nữa, việc anh H1 làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đứng tên trên GCNQSDĐ và sau đó vợ chồng anh H1 làm nhà trên đất bà V cũng không có ý kiến phản đối. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà V cũng trình bày quan điểm nếu vợ chồng không ly hôn thì bà sẽ không tranh chấp gì còn vợ chồng ly hôn thì bà yêu cầu lấy lại đất và thanh toán giá trị công trình xây dựng trên đất cho vợ chồng anh H1, chị H là không có cơ sở để chấp nhận.

Mặt khác, theo Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân…Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng"* … "*Trong trường hợp không có căn cứ để chứng M tài sản mà vợ, chồng đang tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung"* nên cần xác định diện tích đất trên là tài sản chung của vợ chồng chị H và anh H1 để xem xét chia là phù hợp.

Căn cứ án lệ số: 03/2016/AL theo Quyết định số: 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 xác định diện tích đất 304,5m^2 (theo GCNQSDĐ có diện tích là 299m^2), thuộc thửa số 436, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Thôn 3, xã Mê Linh, huyện Lâm Hà là của vợ chồng anh H1 chị H. Do nguồn gốc đất là do mẹ anh H1 là bà V cho anh H1 cho nên cần căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định công sức đóng góp, duy trì tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định.

Căn cứ vào nguồn gốc hình thành tài sản cũng như công sức đóng góp của mỗi bên thì anh H1 có công sức đóng góp nhiều nên hơn. Do vậy, chia cho anh H1 được nhận 60% giá trị quyền sử dụng đất, chị H được nhận 40% giá trị quyền sử dụng đất, theo kết quả định giá, giá trị quyền sử dụng đất có giá trị là 2.750.000.000 đồng; anh H1 được nhận 2.750.000.000 đồng x 60% = 1.650.000.000 đồng; chị H được nhận 2.750.000.000 đồng x 40%= 1.100.000.000 đồng.

Đối với công trình xây dựng trên đất anh H1 và chị H đều xác định là tài sản chung của vợ chồng nên cần chia đôi là phù hợp, theo kết quả định giá công trình trên đất có giá trị là 411.493.000 đồng/2 = 205.746.500 đồng.

Như vậy, phần anh H1 được nhận là 1.650.000.000 đồng + 205.746.500 đồng = 1.855.746.500 đồng;

Phần chị H được nhận là 1.100.000.000 đồng + 205.746.500 đồng = 1.305.746.500 đồng.

Do chị H hiện nay đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí M và không có nhu cầu sử dụng đất nên cần giao lại toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất cho anh H1 sử dụng, anh H1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị H giá trị tài sản chị H được nhận là 1.305.746.500 đồng là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà V;

Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H1 về phần con chung; Có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của ông H1 đối với phần chia tài sản chung của vợ chồng. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

[5] Về chi phí tố tụng: chị H tự nguyện nhận chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 2.179.000 đồng (số tiền này chị H đã nộp đủ và được Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà quyết toán xong).

[6] Về án phí:

Nguyên đơn chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 51.172.395 đồng (làm tròn 51.172.400 đồng);

Ông H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 67.672.395 đồng (làm tròn 67.672.400 đồng);

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định;

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên do bà V, sinh năm 1957, đến thời điểm xét xử bà V là người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi số: 39/2009/QH12 và bà V có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà V là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị V.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn H1 về phần con chung; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn H1 về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, về nợ chung: sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao cả hai con chung là Đặng Ánh K, sinh ngày 25/6/2011 và Đặng Anh M, sinh ngày 05/4/2018 cho chị Trịnh Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Đặng Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: giao cho anh Đặng Văn H1 quản lý sử dụng diện tích đất theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất theo tọa độ VN 2000 ngày 28/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà có diện tích là 304,5m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 299m^2), thuộc thửa số 436, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn 3, xã Mê Linh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và công trình trên đất gồm căn nhà xây cấp 3, công trình phụ, nhà kho và tường rào. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất là 3.161.493.000 đồng. *(Đính kèm hoạ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 28/3/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà)*

Anh Đặng Văn H1 có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Trịnh Thị H 40% giá trị quyền sử dụng đất và ½ giá trị tài sản trên đất với số tiền là 1.305.746.500 đồng *(Một tỷ, ba trăm lẻ năm triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí tố tụng: chị Trịnh Thị H nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 2.179.000 đồng. (Số tiền này chị H đã nộp đủ và đã quyết toán xong).

5. Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 51.172.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Tổng cộng là 51.472.400 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015214 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà là 4.050.000 đồng. Chị H còn phải nộp là 47.422.400 đồng *(Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm đồng)*

Buộc anh Đặng Văn H1 phải chịu 67.672.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010721 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà là 300.000 đồng, anh H1 còn phải nộp là 67.372.400 đồng *(Sáu mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm đồng)*.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đào Thị V.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV &THA;
- TAND huyện Lâm Hà (02);
- CCTHADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự (05);
- Lưu án văn; lưu hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh